kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 12

*Thời gian làm bài: **45 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 28/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L12.GK1.054

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chuyển động Brown chứng tỏ điều gì?

A. Các phân tử của chất lỏng chuyển động hỗn loạn không ngừng.

B. Chất lỏng có lực đẩy rất mạnh giữa các phân tử.

C. Nhiệt độ của chất lỏng luôn thay đổi.

D. Hạt phấn hoa cũng là một phân tử.

Câu 2. Theo quy ước dấu của định luật I, $A < 0$ nghĩa là

A. vật nhận công từ bên ngoài.

B. vật truyền nhiệt lượng ra bên ngoài.

C. vật thực hiện công lên vật khác.

D. vật nhận nhiệt lượng từ bên ngoài.

Câu 3. Thiết bị hay cách làm nào hoạt động dựa trên nguyên lí: nước bay hơi thu nhiệt của không khí xung quanh nên không khí mát đi?

A. Quạt phun sương. **B.** Tấm xốp cách nhiệt. **C.** Phích nước. **D.** Nồi áp suất.

Câu 4. Một khối nước đá khối lượng $5,6$ kg đang ở đúng nhiệt độ nóng chảy $0\ ^\circ\text{C}$ nhiệt nóng chảy riêng của nước đá là $340 \cdot 10^3$ J/kg. Nhiệt lượng cần cung cấp để khối ấy nóng chảy hoàn toàn bằng

A. 1904000 kJ **B.** 61 kJ **C.** 1904 kJ **D.** 340 kJ

Câu 5. Nhiệt hoá hơi riêng của một chất lỏng là nhiệt lượng cần cung cấp để

A. một kilôgam chất rắn ấy chuyển hoàn toàn sang thể lỏng.

B. một kilôgam chất lỏng ấy ở nhiệt độ sôi chuyển hoàn toàn thành hơi.

C. một kilôgam chất lỏng ấy nóng thêm một độ.

D. cả lượng chất lỏng ấy chuyển hoàn toàn thành hơi.

Câu 6. Loại nhiệt kế nào đo nhiệt độ dựa vào sự thay đổi điện trở của dây kim loại theo nhiệt độ?

A. Nhiệt kế cặp nhiệt điện.

B. Nhiệt kế thuỷ ngân.

C. Nhiệt kế hồng ngoại.

D. Nhiệt kế điện trở.

PHẦN II. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 7. Một khối thuỷ tinh khối lượng 3 kg có nhiệt dung riêng 840 J/(kg · K). Tính nhiệt lượng cần cung cấp để khối ấy nóng thêm $24\ ^\circ\text{C}$, theo kilôjun (làm tròn đến hàng đơn vị).



Câu 8. Thả một miếng nhôm khối lượng 600 g ở 140 °C vào 700 g nước ở 23 °C trong một bình cách nhiệt; nhiệt dung riêng của nước là 4200 J/(kg · K). Biết nhiệt dung riêng của nhôm là 880 J/(kg · K). Tính nhiệt độ khi cân bằng nhiệt (làm tròn đến hàng phần mười).

Câu 9. Cho năm phát biểu về các thể của chất và sự chuyển thể: (1) Nhiệt lượng cấp trong lúc chuyển thể dùng để phá vỡ liên kết giữa các phân tử. (2) Trong lúc nóng chảy, chất không nhận thêm nhiệt lượng nào. (3) Trong suốt quá trình nóng chảy của chất kết tinh, nhiệt độ của chất không đổi. (4) Đông đặc và ngưng tụ đều là quá trình toả nhiệt. (5) Chất lỏng có thể tích riêng nhưng lấy hình dạng của bình chứa. Có bao nhiêu phát biểu đúng?

Câu 10. Chất lỏng đang sôi ở áp suất không đổi; hai lần đun cùng điều kiện có $P_1 = 450$ W, $P_2 = 1350$ W. Khối lượng giảm đều với $r_1 = 0,1$ g/s, $r_2 = 0,4$ g/s. Bỏ giọt bắn; nhiệt độ chất lỏng không đổi. Thất thoát môi trường H là cùng một hằng số ở hai lần, với $P_i - H = L r_i$ khi r theo kilôgam trên giây. Tính nhiệt hóa hơi riêng theo mêgajun trên kilôgam.